

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 235/2021/DS-PT

Ngày: 22-11-2021

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Ngọc Yến

Các Thẩm phán: Ông Trần Tấn Quốc

Ông Nguyễn Văn Phương

- Thư ký phiên tòa: Bà Bế Thu Hà - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Chung - Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 171/2021/TLPT-DS ngày 04 tháng 10 năm 2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 21/2021/DS-ST ngày 18 tháng 6 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Long An bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 188/2021/QĐ-PT ngày 11 tháng 10 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thanh Tr, sinh năm 1974.

Địa chỉ: Số 543/4 ấp X, xã T, huyện C, tỉnh Long An.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của bà Tr: Bà Nguyễn Thị Kim H, sinh năm 1970.

Địa chỉ: Số 01/6A ấp H, thị trấn T, huyện C, tỉnh Long An.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Trần Văn C, Văn phòng Luật sư Trần Văn C, Đoàn Luật sư tỉnh Long An.

- Bị đơn:

1. Bà Trương Thị Kim D, sinh năm 1966.

2. Ông Nguyễn Thành N, sinh năm 1962.

Cùng địa chỉ: Số 142/7 ấp 7, xã P, huyện C, tỉnh Long An.

- Người kháng cáo: Bị đơn bà Trương Thị Kim D, ông Nguyễn Thành N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 08-03-2021 và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án cấp sơ thẩm, bà Nguyễn Thị Kim H là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Vào ngày 20 tháng 11 năm 2020, bà Tr có cho bà Trương Thị Kim D, ông Nguyễn Thành N vay với số tiền 300.000.000 đồng, hai bên thỏa thuận miệng với lãi suất là 3%/tháng, hẹn trong hai ngày trả vốn vay cho bà Tr, hai bên có ký giấy xác nhận nợ, mục đích vay để đáo hạn ngân hàng. Tuy nhiên, đến hạn thanh toán bà Tr đã đòi nợ nhiều lần nhưng bà D, ông N không trả vốn vay cho bà Tr. Nay bà Tr yêu cầu bà D, ông N phải liên đới trả 300.000.000 đồng vốn vay, trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật và không yêu cầu tính lãi chậm trả.

Bị đơn bà Trương Thị Kim D, ông Nguyễn Thành N vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến.

Vụ án đã được Tòa án nhân dân huyện C tiến hành kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà D và ông N vắng mặt nên Tòa án nhân dân huyện C ra quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 21/2021/DS-ST ngày 18 tháng 6 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Long An đã quyết định:

- Căn cứ vào các điều 26, 35, 39, 147, 227, 228, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các điều 288, 463, 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Áp dụng Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thanh Tr về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” đối với bà Trương Thị Kim D, ông Nguyễn Thành N.

Buộc bà Trương Thị Kim D, ông Nguyễn Thành N có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Thanh Tr số tiền vốn vay là 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng).

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật và kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hằng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

Bà Tr không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, bà Tr được nhận lại 7.500.000 đồng (Bảy triệu năm trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số

0000919 ngày 18 tháng 03 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Long An.

Bà D, ông N phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng).

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về quyền và thời hạn kháng cáo, quyền và nghĩa vụ thi hành án đối với các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 01/7/2021 bị đơn bà Trương Thị Kim D, ông Nguyễn Thành N kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Tr. Bà D và ông N chỉ có trách nhiệm trả cho bà Tr số tiền 174.400.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự không thỏa thuận được với nhau, đại diện nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Kim H vẫn giữ yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bị đơn hoàn trả số tiền 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng) vốn vay cho bà Tr, không yêu cầu tính lãi. Bị đơn bà Trương Thị Kim D vẫn giữ yêu cầu kháng cáo, không đồng ý trả số tiền 300.000.000 đồng vì ông bà đã trả lãi cho bà Tr được số tiền 128.000.000 đồng. Nay ông bà yêu cầu điều chỉnh lại tiền lãi và chỉ đồng ý trả cho bà Tr số tiền 174.400.000 đồng.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn trình bày: Tại phiên tòa phúc thẩm, bà D cho rằng chỉ vay của bà Tr số tiền 270.000.000 đồng làm hai lần (một lần 170.000.000 đồng và một lần 100.000.000 đồng) nhưng do còn nợ tiền lãi nên bà Tr yêu cầu viết lại giấy nợ 300.000.000 đồng và bà D, ông N đã trả lãi cho bà Tr nhiều lần thành số tiền 128.000.000 đồng nhưng bà D không cung cấp được chứng cứ chứng minh, phía nguyên đơn không thừa nhận. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ y bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện C.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, những người tiến hành tố tụng và các đương sự tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đối với kháng cáo của bị đơn yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, bị đơn chỉ đồng ý trả cho nguyên đơn số tiền 174.400.000 đồng vì bị đơn đã trả lãi nhiều lần được số tiền 128.000.000 đồng. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm phía bị đơn không cung cấp được chứng cứ chứng minh đã trả được số tiền nêu trên, nguyên đơn không thừa nhận nên không có cơ sở để xem xét. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Long An.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bà Trương Thị Kim D, ông Nguyễn Thành N được thực hiện đúng quy định tại Điều 272 Bộ luật Tố tụng dân sự và được gửi đến Tòa án trong thời hạn quy định tại Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự nên được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn ông Nguyễn Thành N có đơn kháng cáo, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Thành N.

[3] Về nội dung vụ án: Ngày 20/11/2020, bà Trương Thị Kim D và ông Nguyễn Thành N có vay của bà Nguyễn Thị Thanh Tr số tiền 300.000.000 đồng, thỏa thuận miệng lãi suất 3%/tháng, hạn 02 ngày sau trả vốn gốc cho bà Tr. Sau đó, bà D và ông N có thỏa thuận lại trong vòng một tháng sẽ hoàn trả vốn vay cho bà Tr, hai bên có lập Biên nhận vay tiền, mục đích vay tiền của bà D và ông N là để đáo nợ ngân hàng. Tuy nhiên đến thời hạn trả nợ, bà D và ông N vẫn không trả tiền nợ gốc và tiền lãi cho bà Tr là vi phạm nghĩa vụ trả tiền của bên vay theo quy định tại Điều 463 và Điều 466 Bộ luật dân sự. Trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền vốn vay, không yêu cầu trả tiền lãi, đây là quyền định đoạt của đương sự, phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn 300.000.000 đồng tiền vốn gốc là có căn cứ.

[4] Xét kháng cáo của bà Trương Thị Kim D: Bà D kháng cáo chỉ đồng ý trả số tiền 174.400.000 đồng cho bà Tr vì bà và ông N chỉ vay của bà Tr số tiền 270.000.000 đồng, cụ thể ngày 20/7/2020 vay số tiền 170.000.000 đồng; ngày 20/9/2020 vay số tiền 100.000.000 đồng và đã trả lãi nhiều lần từ ngày 30/7/2020 đến ngày 16/11/2020 được số tiền 128.000.000 đồng, nay yêu cầu điều chỉnh lại lãi suất và khấu trừ tiền lãi đã trả thừa vào vốn vay. Tuy nhiên, phía bị đơn không cung cấp được chứng cứ để chứng minh cho lời trình bày của mình, nguyên đơn không thừa nhận. Nguyên đơn khởi kiện bị đơn là Biên nhận vay tiền ngày 20/11/2020, số tiền 300.000.000 đồng, bị đơn cũng thừa nhận chữ ký và họ tên ghi trên biên nhận nợ là của bị đơn và không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho việc trả vốn, lãi của số tiền vay ngày 20/11/2020. Vì vậy, kháng cáo của bị đơn là không có căn cứ chấp nhận.

Đề nghị của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận.

Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm là đúng pháp luật, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[5] Đối với bị đơn Nguyễn Thành N có kháng cáo, được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt thì bị coi như từ bỏ việc kháng cáo và Tòa án đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của ông N.

[6] Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Trương Thị Kim D và ông Nguyễn Thành N phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bà Trương Thị Kim D.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 21/2021/DS-ST ngày 18 tháng 6 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Long An.

Căn cứ khoản 3 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự: Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Thành N.

Căn cứ khoản 3 Điều 26, các Điều 37, 39, 147, 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ các các điều 288, 463, 466 và 357 Bộ luật dân sự.

Áp dụng Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thanh Tr về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” đối với bà Trương Thị Kim D, ông Nguyễn Thành N.

Buộc bà Trương Thị Kim D và ông Nguyễn Thành N có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Thanh Tr số tiền vốn vay là 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất hai bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Trương Thị Kim D, ông Nguyễn Thành N phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng).

Bà Nguyễn Thị Thanh Tr không phải chịu án phí, hoàn trả cho bà Tr 7.500.000 đồng (Bảy triệu năm trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0000919 ngày 18 tháng 03 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Long An.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Trương Thị Kim D, ông Nguyễn Thành N mỗi người phải chịu 300.000 đồng án phí. Chuyển 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000794 ngày 12 tháng 7 năm 2021 và biên lai thu số 0000797 ngày 16 tháng 7 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Long An sang thi hành án phí phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Tấn Quốc Nguyễn Văn Phương

Đinh Thị Ngọc Yến